

CÔNG TY TNHH FUJI MEDIC
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

Tháng 3 năm 2019

CÔNG TY TNHH FUJI MEDIC

Số 88 A1, Khu Dân cư Hưng Phú 1, Khu vực 8, Phường Hưng Phú
Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

CÔNG TY TNHH FUJI MEDIC

Số 88 A1, Khu Dân cư Hưng Phú 1, Khu vực 8, Phường Hưng Phú
Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Fuji Medic (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Bà Phạm Thị Việt Nga
Ông Shuhei Tabata

Chủ tịch, kiêm người đại diện pháp luật
Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Shuhei Tabata

Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Số: /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc Công ty TNHH Fuji Medic

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Fuji Medic (gọi tắt là là "Công ty"), được lập Ngày 6 tháng 4 năm 2019 từ trang 3 đến trang 16, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 6 tháng 4 năm 2019

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Thành Vinh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4329-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.431.704.460	11.127.555.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.302.712.443	8.179.571.532
1. Tiền	111		797.411.074	6.179.571.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		505.301.369	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	5.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		211.545.786	65.989.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.100.000	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	9.097.000	53.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	199.348.786	12.089.000
IV. Hàng tồn kho	140	8	228.927.894	189.662.430
1. Hàng tồn kho	141		228.927.894	215.001.289
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(25.338.859)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		188.518.337	192.332.292
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	188.518.337	192.332.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.473.434.030	12.612.944.043
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	60.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	60.000.000	60.000.000
II. Tài sản cố định	220		12.277.433.139	12.464.841.351
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	12.028.645.489	12.188.202.661
- Nguyên giá	222		14.502.841.000	13.265.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.474.195.511)	(1.077.497.339)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	248.787.650	276.638.690
- Nguyên giá	228		278.510.400	278.510.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.722.750)	(1.871.710)
III. Tài sản dài hạn khác	260		136.000.891	88.102.692
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	136.000.891	88.102.692
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		19.905.138.490	23.740.499.297

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		448.200.181	323.529.358
I. Nợ ngắn hạn	310		448.200.181	323.529.358
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	210.077.569	33.672.500
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	12.309.612	11.830.000
3. Phải trả người lao động	314		125.700.000	270.526.858
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59.400.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	40.713.000	7.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.456.938.309	23.416.969.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	19.456.938.309	23.416.969.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.946.580.020	26.946.580.020
2. Lũy kế	421		(7.489.641.711)	(3.529.610.081)
- (Lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.529.610.081)	22.243.184
- Lũy năm nay	421b		(3.960.031.630)	(3.551.853.265)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		19.905.138.490	23.740.499.297
(440=300+400)				



Nguyễn Hoàng Du
Người lập biểu/Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		3.993.012.240	2.073.661.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.993.012.240	2.073.661.500
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		5.777.023.852	2.998.524.648
5. Lỗ gộp cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.784.011.612)	(924.863.148)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	410.656.896	237.865.050
7. Chi phí tài chính	22	18	5.051.483	120.843.807
8. Chi phí bán hàng	25	19	328.681.442	131.554.762
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	2.239.822.261	2.542.740.129
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(3.946.909.902)	(3.482.136.796)
11. Thu nhập khác	31		-	58.430.668
12. Chi phí khác	32		13.121.728	128.147.137
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(13.121.728)	(69.716.469)
14. Lỗ trước thuế (50=30+40)	50		(3.960.031.630)	(3.551.853.265)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	-	-
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(3.960.031.630)	(3.551.853.265)


Nguyễn Hoàng Du
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Shuhei Tabata
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(3.960.031.630)	(3.551.853.265)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.424.549.212	1.079.369.049
Các khoản dự phòng	03	(25.338.859)	25.338.859
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(27.392.519)	3.780.669
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(378.212.894)	(122.712.843)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.966.426.690)	(2.566.077.531)
Thay đổi các khoản phải thu	09	47.025.760	80.148.500
Thay đổi hàng tồn kho	10	(13.926.605)	(191.454.925)
Thay đổi các khoản phải trả	11	124.670.823	(5.082.889.642)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(44.084.244)	(280.434.984)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.560.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.852.740.956)	(8.046.269.378)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.237.141.000)	(852.784.758)
2. Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(5.000.000.000)	(2.500.000.000)
3. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	2.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	185.630.348	122.712.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.051.510.652)	(3.230.071.915)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(6.904.251.608)	(11.276.341.293)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.179.571.532	19.459.693.494
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	27.392.519	(3.780.669)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.302.712.443	8.179.571.532


Nguyễn Hoàng Du
Người lập biểu/Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Fuji Medic (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1801472944 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 27 tháng 7 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 7636347328 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp ngày 16 tháng 11 năm 2016.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất của Công ty là Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 06 tháng 12 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gần nhất của Công ty là Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 02 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ về phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn và là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị quản lý	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	12.498.758	27.787.096
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	784.912.316	6.151.784.436
Các khoản tương đương tiền (*)	505.301.369	2.000.000.000
	1.302.712.443	8.179.571.532

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 4,1%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4,8%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng bằng Đồng Việt Nam tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và hưởng lãi suất từ 5,1%/năm đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5,3%/năm).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường Thành phố Cần Thơ	9.097.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Fortune	-	53.900.000
	9.097.000	53.900.000

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Dự thu lãi tiền gửi	192.582.546	-
- Tạm ứng cho nhân viên	2.866.240	-
- Ký quỹ	3.900.000	3.500.000
- Các khoản phải thu khác	-	8.589.000
	199.348.786	12.089.000
b. Dài hạn		
- Ký quỹ thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
	60.000.000	60.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hóa chất	213.037.341	-	199.352.873	(25.338.859)
Dụng cụ y tế	15.890.553	-	15.648.416	-
	228.927.894	-	215.001.289	(25.338.859)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 25.338.859 đồng, và trong năm trước Công ty cũng trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 25.338.859 đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ	15.501.673	94.834.177
- Các khoản trả trước khác	173.016.664	97.498.115
	188.518.337	192.332.292
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa văn phòng	29.367.564	88.102.692
- Các khoản khác	106.633.327	-
	136.000.891	88.102.692

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	11.165.700.000	2.100.000.000	-	13.265.700.000
Tăng trong năm	1.023.141.000	-	214.000.000	1.237.141.000
Số cuối năm	12.188.841.000	2.100.000.000	214.000.000	14.502.841.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	877.042.793	200.454.546	-	1.077.497.339
Khấu hao trong năm	1.175.998.174	210.000.000	10.699.998	1.396.698.172
Số cuối năm	2.053.040.967	410.454.546	10.699.998	2.474.195.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	10.288.657.207	1.899.545.454	-	12.188.202.661
Tại ngày cuối năm	10.135.800.033	1.689.545.454	203.300.002	12.028.645.489

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm
 máy tính
VND

NGUYÊN GIÁ

Số đầu năm và cuối năm 278.510.400

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm 1.871.710

Khấu hao trong năm 27.851.040

Số cuối năm 29.722.750

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm 276.638.690

Tại ngày cuối năm 248.787.650

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Số cuối năm Số đầu năm
VND VND

- Công ty TNHH Siemens Healthcare 159.000.000 -

- Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Kỹ Thuật Lục Tỉnh 51.077.569 -

- Trung tâm Quan trắc Tài nguyên Môi trường Thành phố Cần Thơ - 8.420.500

- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng 306 - 25.252.000

210.077.569 33.672.500

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số đầu năm Số phải nộp Số đã nộp Số cuối năm
VND VND VND VND

Thuế thu nhập cá nhân 11.830.000 82.268.748 81.789.136 12.309.612

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Số cuối năm Số đầu năm
VND VND

Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế 31.299.000 -

Kinh phí công đoàn 1.914.000 -

Phải trả khác 7.500.000 7.500.000

40.713.000 7.500.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	26,946,580,020	22,243,184	26,968,823,204
Lỗ trong năm	-	(3,551,853,265)	(3,551,853,265)
Số dư cuối năm trước	26,946,580,020	(3,529,610,081)	23,416,969,939
Lỗ trong năm	-	(3,960,031,630)	(3,960,031,630)
Số dư cuối năm	26,946,580,020	(7,489,641,711)	19,456,938,309

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 44.910.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 Đô la Mỹ) và 26.946.000.000 đồng (tương đương 1.200.000 Đô la Mỹ). Số liệu vốn góp của chủ sở hữu thể hiện trên bảng cân đối kế toán được ghi nhận theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	USD	VND tương đương	USD	VND tương đương
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	13.742.460.000	51	612.000	13.742.460.000	612.000	13.742.460.000
Nomura Trading Co., Ltd.	8.083.800.000	30	360.000	8.084.386.800	360.000	8.084.386.800
Japan Medical Laboratory Co., Ltd	5.119.740.000	19	228.000	5.119.733.220	228.000	5.119.733.220
Tổng	26.946.000.000	100	1.200.000	26.946.580.020	1.200.000	26.946.580.020

16. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	23.816.89	252.043.49

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	378.212.894	122.712.843
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.444.002	115.152.207
	410.656.896	237.865.050

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.051.483	120.843.807

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	280.813.714	131.554.762
Chi phí khác	47.867.728	-
	328.681.442	131.554.762
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	812.553.411	937.244.061
Công cụ, dụng cụ	152.321.845	369.790.073
Chi phí khấu hao	6.662.775	211.571.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.195.150.818	850.475.139
Chi phí khác	73.133.412	173.659.034
	2.239.822.261	2.542.740.129

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ trước thuế	(3.960.031.630)	(3.551.853.265)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cộng: chi phí không được trừ	14.531.111	25.629.427
Lỗ tính thuế	(3.945.500.519)	(3.526.223.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập trong năm vì Công ty không có thu nhập tính thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có khác khoản lỗ tính thuế là 3.960.031.630 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 3.551.853.265 đồng) sẽ được bù trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn có thu nhập tính thuế trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản lỗ thuế của Công ty được chuyển tiếp và hết hạn theo lịch trình sau:

Năm	Lỗ thuế VND
2022	3.551.853.265
2023	3.960.031.630
	7.511.884.895

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

21. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.345.186.442	947.549.831
Chi phí nhân công	2.859.271.539	2.006.371.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.424.549.212	982.055.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.232.776.677	1.066.831.612
Chi phí khác	483.743.685	670.011.156
	<u>8.345.527.555</u>	<u>5.672.819.539</u>

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong năm	<u>886.456.417</u>	<u>724.266.475</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	674.866.475	928.400.720
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	962.266.475	-
	<u>1.637.132.950</u>	<u>928.400.720</u>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng, ô tô, hệ thống máy móc, phần mềm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ y tế.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang
 Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG

Công ty mẹ
 Cùng trực thuộc Công ty mẹ

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	1.873.034.000	1.194.679.000
Công ty TNHH Một thành viên Dược Hậu Giang	-	527.463.000
Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	-	103.467.000
	<u>1.873.034.000</u>	<u>1.825.609.000</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	21.790.909	400.000
Công ty TNHH MTV In Bao Bì DHG	-	2.250.000
	<u>21.790.909</u>	<u>2.650.000</u>
Mua tài sản cố định		
Japan Medical Laboratory Co., Ltd	-	278.510.400

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	<u>332.298.500</u>	<u>185.416.667</u>



Nguyễn Hoàng Du
Người lập biểu/Kế toán trưởng

